

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 69/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 04 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 28/7/2023 và Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2024 là 3.210,446 tỷ đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách địa phương cân đối dự kiến 1.286,3 tỷ đồng, cụ thể:
 - a) Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí dự kiến 441,3 tỷ đồng;
 - b) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất dự kiến 800 tỷ đồng;
 - c) Xổ số kiến thiết dự kiến 45 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách trung ương dự kiến 1.924,146 tỷ đồng, cụ thể:
 - a) Vốn trong nước dự kiến 1.714,146 tỷ đồng, trong đó:
 - Trung ương hỗ trợ mục tiêu 1.135 tỷ đồng;
 - Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội 203 tỷ đồng;
 - Chương trình mục tiêu quốc gia 376,146 tỷ đồng.
 - b) Vốn nước ngoài dự kiến 210 tỷ đồng.

(Chi tiết có các biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2024 phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao; khả năng thực hiện của các công trình, dự án và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTVQH, Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT.

116



CHỦ TỊCH
Nguyễn Đăng Quang



Biểu số 01
LỊCH TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VÀ
NEHƯ CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2023			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch 2024	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023	Ước giải ngân cả năm			
	TỔNG SỐ	3.089.745	580.804	3.089.745	17.218.609	3.210.446	
A	Vốn NSNN	3.089.745	580.804	3.089.745	17.218.609	3.210.446	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	1.329.012	276.793	1.329.012	8.030.500	1.286.300	
1	Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí	416.312	181.519	416.312	2.232.900	441.300	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	800.000	88.028	800.000	5.490.000	800.000	
3	Xổ số kiến thiết	40.000	7.246	40.000	200.000	45.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	72.700		72.700	107.600		(*)
II	Vốn ngân sách trung ương	1.760.733	304.011	1.760.733	9.188.109	1.924.146	
1	Vốn trong nước	1.350.817	271.147	1.350.817	7.264.309	1.714.146	
	Trong đó:						
-	NSTW hỗ trợ đầu tư theo ngành, lĩnh vực	821.700	192.953	821.700	5.568.168	1.135.000	
-	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	161.000	2.296	161.000	161.000	203.000	(**)
-	Chương trình MTQG	368.117	75.899	368.117	1.535.141	376.146	
+	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	192.739	37.661	192.739	740.078	198.356	
+	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	79.518	27.419	79.518	362.173	79.800	
+	Chương trình MTQG nông thôn mới	95.860	10.819	95.860	432.890	97.990	
2	Vốn nước ngoài	409.916	32.864	409.916	1.923.800	210.000	

(*) Tình dự kiến kế hoạch 2024 tại Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2023, xây dựng dự toán NSNN năm 2024

(**) Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương cho tỉnh là 364 tỷ đồng tại Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 8/3/2023, số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 và giao kế hoạch 2023 là 161 tỷ đồng tại Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 3/12/2022



Biểu số 02
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024
ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 69/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT		Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Năm 2023						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú		
							TMDT		Kế hoạch 2022 chưa giải ngân hết và chưa được TT gCP cho phép kéo dài (*)	Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân kế hoạch 2023		Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao 2021-2023 (**)	Tổng số		Trong đó: NSTW	
							Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW						
TỔNG SỐ							6.928.565	4.563.822	147.843.245429	0	761.825	740.825	192.668	192.668	740.461	719.461	4.394.954	2.126.944	1.135.000	1.135.000	
I	DANH MỤC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM						2.060.000	1.643.612			161.000	160.000	9.216	9.216	161.000	160.000	1.643.612	630.000	520.000	520.000	
Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																					
1	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn I		BH, TP, GL, VL	55,7 km	21-26	105/NQ-HĐND 9/12/2020 40/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 16/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 4282/QĐ-UBND 17/12/2021	2.060.000	1.643.612			161.000	160.000	9.216	9.216	161.000	160.000	1.643.612	630.000	520.000	520.000	
II	DANH MỤC DỰ ÁN KHÁC						4.868.565	2.920.210	147.843.245429	600.825	580.825	183.452	183.452	579.461	559.461	2.751.342	1.496.944	615.000	615.000		
I	Quốc phòng																				
Các dự án hoàn thành năm 2024																					
-	Đường GTBG nối các trạm kiểm soát Biên phòng Xã Heng, A Dơi, Pa Roi, Xy, huyện Hương Hòa		Hương Hòa	14,4 km	21-24	89/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 39/NQ-HĐND ngày 12/5/2020 805/QĐ-UBND ngày 9/4/2021	90.000	90.000	15.000	10.000	10.000	5.000	5.000	10.000	10.000	90.000	75.000	15.000	15.000		KH24 gồm KH22 không được kéo dài
-	Doanh trại hải đội dân quân thường trực và bến cập tàu của hải đội		Triều Phong	Doanh trại, Bến cập tàu	21-24	98/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 37/NQ-HĐND ngày 12/5/2020 152/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	110.978	110.978		25.000	25.000	531	531	25.000	25.000	110.978	97.000	13.978	13.978		
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội																				
Các dự án hoàn thành năm 2024																					
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các địa phương		VL, GL, ĐK, TP	05 doanh trại	21-24	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2021 58/NQ-HĐND ngày 12/5/2020 2197/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	46.500	46.500		10.000	10.000	5.531	5.531	10.000	10.000	46.500	40.000	6.500	6.500		
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp																				
Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																					

72

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023								KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch 2022 chưa giải ngân hết và chưa được TT.GCP cho phép kéo dài (*)	Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân kế hoạch 2023		Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao 2021-2023 (**)	Tổng số	Trong đó: NSTW					
						Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW									
	Xóa phòng học tam, phòng học mưon, cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và xây dựng Trường THPT Hương Hòa		96 PHT, 36 phòng NTBT; xây mới cải tạo trường THPT	22-25	72/NQ-HĐND ngày 25/6/2021; 2848/QĐ-UBND ngày 04/10/2021; 3707/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	130.000	130.000		30.000	30.000	16.217	16.217	30.000	30.000	130.000	60.000	40.000	40.000					
4	Y tế dân số và gia đình																						
	<i>Các dự án hoàn thành năm 2024</i>																						
-	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh - Huyện mục: Trung tâm sản thần kinh và hệ thông thiết bị xạ trị		Xây dựng 1.056m2 và HT thiết bị xạ trị	21-24	90/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 45/QĐ-HĐND ngày 12/5/2021 1309/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	150.000	150.000		60.000	60.000	33.085	33.085	60.000	60.000	150.000	121.500	28.500	28.500					
5	Văn hóa, thông tin																						
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>																						
-	Bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng trong diêm của tỉnh (thang mục: Khu lưn niên TBT Lê Duẩn, Bảo tàng Thành Cổ, địa đạo Vĩnh Mốc)	TX Quảng Trị, T. Phong, V. Linh	Cải tạo, nâng cấp 02 DT, xây mới bảo tàng 2.100 m2	22-25	71/NQ-HĐND ngày 25/6/2021; 2960/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	101.250	101.250		15.000	15.000	466	466	15.000	15.000	101.250	30.000	10.000	10.000					
6	Phát thanh, truyền hình, thông tin																						
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>																						
-	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	Đông Hà	250 chỗ ngồi	23-26	20/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	45.000	45.000		10.000	10.000	360	360	10.000	10.000	33.750	10.000	20.000	20.000					
7	Bảo vệ môi trường																						
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>																						
-	Đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cổ đĩnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	07 trạm	24-27	21/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	45.000	45.000								37.500	0	12.000	12.000					
8	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																						
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>																						
-	Kê chống xói lở khẩn cấp các đoạn sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	GL, VL, TP, CL, BK, QT	7 km	22-25	23/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 4246/QĐ-UBND 15/12/2021	95.000	95.000		13.481.843	30.000	30.000	10.699	10.699	30.000	30.000	95.000	81.518	10.022.367	10.022.367	KH24 gồm KH22 không được kéo dài			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2022 chưa giải ngân hết và chưa được TT.GCP cho phép kéo dài (*)	Năm 2023				Ước giải ngân kế hoạch 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú
					TMDT	Trong đó: NSTW	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW					
																Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	
-	Trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên Dakrông và Bắc Hương Hòa tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	CS 1.425 lượt ha; NC 600ha; LGRTN 600ha; HTTGL 1000 ha; HTLS 77km; CSHT KBT thiên nhiên Dakrông và Bắc Hương Hòa	22-25	73/NQ-HĐND ngày 25/6/2021	90.000	90.000		30.000	30.000			30.000	30.000	90.000	35.590	35.000	35.000		
8	Khu công nghiệp và khu kinh tế																			
	Các dự án hoàn thành năm 2024																			
-	Sơn nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Dakrông	bãi xuất 2,45ha, bãi nhập 0,67 ha, đường GT, HTTN	21-24	94/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 HNND ngày 12/5/2021 1349/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	94.000	85.000	6.112,9134	9.960,743	9.960,743	4.279	4.279	9.961	9.961	85.000	64.310,830	20.689,17	20.689,17	KH24 gồm KH22 không được kéo dài	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																			
-	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	Hải Lăng	43,6 ha	23-26	27/NQ-HĐND 12/5/2021 40/NQ-HĐND 14/7/2022	268.868	268.868		50.000	50.000	32.606	32.606	50.000	50.000	130.000	50.000	40.000	40.000		
9	Khu tăng																			
	Các dự án hoàn thành năm 2024																			
-	Kho lưu trữ chuyển dụng tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	Đông Hà	Nhà làm việc, lưu trữ 4 tầng + 1 tầng hầm	21-24	92/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 38/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 1330/QĐ-UBND 28/5/2021	50.194	38.630	7.500	2.500	2.500	761	761	2.500	2.500	38.630	20.000	18.630	18.630	KH24 gồm KH22 không được kéo dài	
10	Giao thông																			
	Các dự án hoàn thành năm 2024																			
-	Đường Trần Nguyên Hân (giai đoạn 2)	Đông Hà	1651,7m	21-24	74/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 1167/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của Tp Đông Hà	201.210	150.000	10.486,725	45.000	25.000	10.000	10.000	45.000	25.000	150.000	139.513,275	10.486,725	10.486,725	KH24 gồm KH22 không được kéo dài	
-	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	Gio Linh	GPMB: 11,1ha; TĐC: 5,2 ha	21-24	104/NQ-HĐND ngày 9/12/2020; 2441/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	80.150	80.150		30.000	30.000			30.000	30.000	80.150	54.410	25.740	25.740		
-	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị	Vinh Linh	15 km đường, 01 cầu dài 110 m	21-24	11/NQ-HĐND ngày 21/3/2021 135/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 2961/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	229.156	129.156	14.222,738029	35.000	35.000	15.867	15.867	35.000	35.000	129.156	50.777,262	78.378,738	78.378,738	KH24 gồm KH22 không được kéo dài	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch 2022 chưa giải ngân hết và chưa được TTgCP cho phép kéo dài (*)	Năm 2023						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân kế hoạch 2023		Giai đoạn NSTW 2021-2025	Trong đó: đã giao 2021-2023 (**)	Tổng số	Trong đó: NSTW			
						Tổng số	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW							
-	Hà tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, DK, HH	3 hợp phần	18-23	2293/TT-g-HTQT ngày 20/12/2016; 998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	136.075		39.000	39.000	2.310	2.310	39.000	39.000	136.075	120.000	16.075	16.075		
-	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	đường: 4km, kè 1,5km	22-25	113/NQ-HBND ngày 04/6/2021 1206/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Tx Quảng Trị	140.000	120.000	10.243,101	20.000	20.000	2.561	2.561	20.000	20.000	120.000	54.756,899	33.000,000	33.000,000	KH24 gồm KH22 không được kéo dài	
-	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng Khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái (giai đoạn 1)	Vĩnh Linh	đường: 4,54km, sân vui chơi: 5000m2	22-25	10/NQ-HBND ngày 24/6/2021 5052/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của huyện V.Linh	110.000	82.500		5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	82.500	55.000	20.000	20.000		
-	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trong diện kinh tế của huyện Triệu Phong	Triệu Phong	8,6 km	22-25	20/NQ-HBND ngày 08/6/2021 2988/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của huyện TP	140.000	120.000		30.000	30.000	6.478	6.478	30.000	30.000	120.000	54.000	33.000	33.000		
-	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trong diện kinh tế huyện Cam Lộ	Cam Lộ	17,4 km	22-25	23/NQ-HBND ngày 10/6/2021 2408/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện C.Lô	140.000	120.000	40.000	20.000	20.000	10.000	10.000	20.000	20.000	120.000	80.000	20.000	20.000	KH24 dự kiến phần KH22 không được kéo dài	
-	Cầu Cầu Nhì - Hải Tân, đường Thương Xá - Trà Lộc (DH,50) và đường Thuận Đức - Lam Thủy - Phước Lang (DH,50a)	Hải Lăng	Cầu dài 105m; đường dài 14,7 km	22-25	08/NQ-HBND ngày 14/6/2021 797/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện HL	140.000	110.000	30.000	30.000	30.000	13.143	13.143	30.000	30.000	110.000	80.000	17.000	17.000	KH24 dự kiến phần KH22 không được kéo dài	
-	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CREIM), tỉnh Quảng Trị	ĐK, HH	02 Hợp phần	21-24	218/QĐ-TTg ngày 19/02/2021 4048/QĐ-UBND 7/12/2021 4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	935.004	178.000	795,925	24.364	24.364	7	7	3.000	3.000	178.000	43.568	1.500	1.500		
-	Nâng cấp đường 73 Đông (c), huyện Gio Linh	Gio Linh	8,53 km	22-25	03/NQ-HBND ngày 12/5/2021 của huyện GL	80.000	60.000								60.000	20.000	20.000	20.000		
	Các dự án khởi công mới năm 2024																			
-	Giai phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị	Gio Linh	265,372 ha	21-24	09/NQ-HBND 10/3/2021 60/NQ-HBND 12/5/2021 16/NQ-HBND 12/5/2021	233.103	233.103								233.103	0	50.000	50.000		
11	Dự liệu																			
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Năm 2023								Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch 2022 chưa giải ngân hết và chưa được TT gCP cho phép kéo dài (*)	Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân kế hoạch 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giải đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2024	
						Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: đã giao 2021-2023 (**)			Tổng số	Trong đó: NSTW
-	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hương Hóa	Hương Hóa	25 km	22-25	6814/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của huyện HH	80.000	60.000		15.000	15.000	7.858	7.858	15.000	15.000	60.000	35.000	15.000	15.000		
12	Công nghệ thông tin																			
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>																			
-	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	Toàn tỉnh	lưu tăng kỳ thuật IOC, SOC và GSI-T	23-26	25/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	45.000	45.000		25.000	25.000	693	693	25.000	25.000	33.750	25.000	4.500	4.500		

Nghị quyết 74/NQ-CP ngày 7/5/2023 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2023. "Đồng ý để xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc không báo cáo cấp có thẩm quyền cải giám kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tương ứng với số vốn không giải ngân hết kế hoạch năm 2022, không được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân và bị hủy dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được phép bố trí lại vốn ngân sách trung ương năm 2023 và các năm tiếp theo tương ứng với số vốn không giải ngân hết năm 2022, bị hủy dự toán cho các nhiệm vụ, dự án bảo đảm bố trí đủ vốn, hoàn thành đúng tiến độ, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản "

(**) Kế hoạch 2021-2023 đã giao không tính kế hoạch 2022 chưa giải ngân hết do thực hiện hủy dự toán theo quy định tại Nghị quyết 74/NQ-CP ngày 7/5/2023 của Chính phủ phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2023



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 69/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)


 ỨNG HIỆN KẾ HOẠCH D
 ăm theo Nghị quyết số 69/
 Quyết định đầu tư

